

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 12 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh I**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư kK phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều – Thư kK Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lâm Thành B**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Hồ Thị C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lâm Thành B trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2005, anh Lâm Thành B tự nguyện xây dựng hôn nhân với chị Hồ Thị C và có đăng kK kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/6/2006, B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78, Quyền số 01/2006. Trong thời gian chung sống, giữa anh B với chị C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng K kiến, không hợp tính tình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh I nên anh B với chị C đã sống ly thân từ ngày Mùng 4 Tết Nguyên Đán năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh B với chị C không hàn gắn B tình cảm vợ chồng. Nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị C. Về

con chung, anh B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011 vì cháu I hiện đang sống chung với anh B và anh B đồng K giao con chung là cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 cho chị Hồ Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục do cháu K hiện đang sống chung với chị C; về cấp dưỡng, anh B không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi cháu I và cũng không đồng K cấp dưỡng nuôi cháu K do mỗi người nuôi dưỡng 01 người con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau; về tài sản chung: Anh B sẽ tự thỏa thuận với chị C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Anh B xác định anh và chị C chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hồ Thị C trình bày K kiến:

- Về hôn nhân: Năm 2005, chị C và anh Lâm Thành B tự nguyện xây dựng hôn nhân, có đăng kK kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/6/2006. Trong thời gian chung sống, giữa chị C với anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng K kiến, không hợp tính tình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh I nên chị C và anh B đã sống ly thân từ ngày Mùng 4 Tết Nguyên Đán năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị C và anh B không hàn gắn B tình cảm vợ chồng. Nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị C thì chị C đồng K ly hôn với anh B.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với anh B, chị C và anh B có 02 người con chung, gồm: Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 và Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011. Khi ly hôn với anh B, chị C đồng K giao cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục vì Lâm Trọng I hiện đang sống chung với anh B; chị C yêu cầu B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 vì Lâm Như K đang sống chung với chị C.

- Về cấp dưỡng: Chị C và anh B mỗi người nuôi 01 đứa con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- Về tài sản chung: Chị C và anh B sẽ tự thỏa thuận nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị C xác định trong thời gian chung sống với anh B vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bà Thạch Thị Sanh là Trưởng ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác nhận: Chị C và anh B có kết hôn và đăng kK nhân khẩu thường trú tại địa phương, nhưng từ khoảng đầu năm 2021 đến nay, Chị C và anh B không còn chung sống với nhau (sống ly thân); chị C đi làm thuê thường xuyên vắng nhà, nhưng thỉnh thoảng chị C về địa phương thăm gia đình. Hiện Chị C và anh B không có nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào. Về con chung, anh B đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011, cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 đang sống chung với chị Hồ Thị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu K kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Anh B đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C chưa thực hiện B đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (do đã B Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa mà vắng mặt lần thứ nhất).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thành B đối với chị Hồ Thị C, cho anh B ly hôn với chị C. Về con chung: Giao cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục vì Lâm Trọng I hiện đang sống chung với anh B; giao cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục vì cháu Lâm Như K đang sống chung với chị C. Về cấp dưỡng: Anh B và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B và chị C không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lâm Thành B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hồ Thị C, địa chỉ cư trú tại ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Ngày 08/10/2021, anh Lâm Thành B có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 09/11/2021 chị Hồ Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị C.

[3] Về hôn nhân: Anh B và chị C tự nguyện xây dựng hôn nhân vào năm 2005 và có đăng kK kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/6/2006, B cấp giấy chứng nhận đăng kK kết hôn số 78, quyển số 01/2006 nên hôn nhân của anh B và chị C là hôn nhân hợp pháp, B pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét thấy, trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng K kiến dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh I, mục đích hôn nhân không đạt B, đời sống chung không thể kéo dài nên anh B và chị C đã sống ly thân từ ngày Mùng 4 Tết Nguyên Đán năm 2021 đến nay nên anh B yêu cầu ly hôn với chị C. Chị C cũng đồng K ly hôn với anh B. Căn cứ vào các điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B đối với chị C. Cho anh B ly hôn với chị C.

[5] Về con chung: Anh B yêu cầu B tiếp tục nuôi cháu I do cháu I đang sinh sống cùng với anh B và cháu I có nguyện vọng sống chung với anh B khi anh B và chị C ly hôn. Chị C yêu cầu B tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu K cũng có

nguyện vọng sống chung với chị C khi anh B và chị C ly hôn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh B và chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con lẫn nhau mà không ai B cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Anh B và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B và chị C không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh B và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Anh B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thành B đối với chị Hồ Thị C. Cho anh B ly hôn với chị C.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Trọng I, sinh ngày 22/5/2011 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lâm Như K, sinh ngày 06/3/2007 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh B và chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con lẫn nhau mà không ai B cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh B và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau do anh B và chị C không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh B và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh B phải nộp 300.000 đồng, nhưng B trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000541 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu; anh B đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Anh B và chị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận B bản án hoặc bản án B niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã G, huyện H, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Tính